

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: KIỂM TOÁN

Mã ngành: 7340302

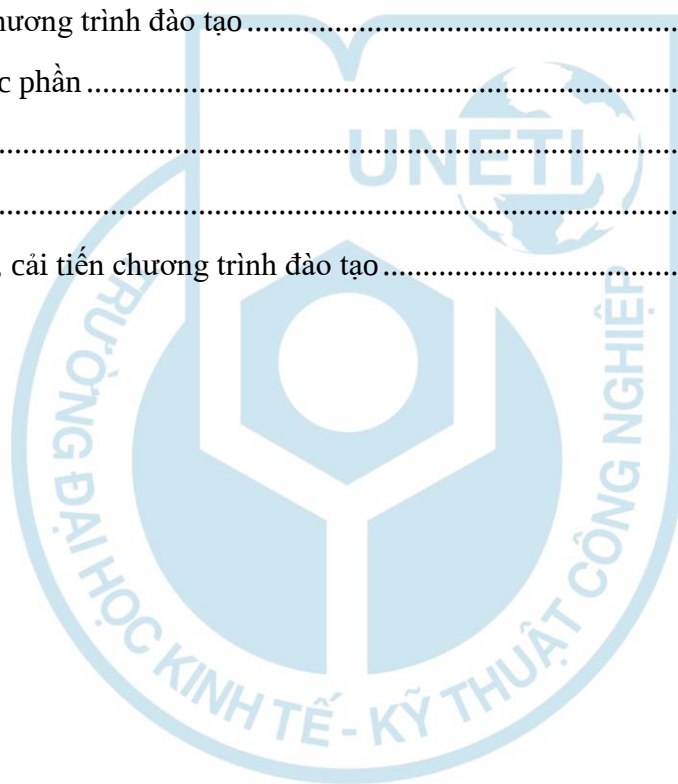
*(Ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/08 /2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

Hà Nội – 2024

MỤC LỤC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường	2
2.1. Sứ mạng	2
2.2. Tầm nhìn phát triển	2
2.3. Giá trị cốt lõi	2
2.4. Triết lý giáo dục	2
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	2
3.1. Mục tiêu chung	2
3.2. Mục tiêu cụ thể:	2
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ	5
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	5
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	6
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	6
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	7
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	9
7.1 Thông tin tuyển sinh	9
7.2. Điều kiện tốt nghiệp:	9
8. Chiến lược giảng dạy và học tập	9
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	14
9.1. Các hình thức đánh giá	14
9.2 Điểm đánh giá học phần	16
9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	18
9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)	24
10. Cấu trúc chương trình đào tạo	25

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (<i>Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)</i>).....	25
10.2. Nội dung chương trình đào tạo	25
1. Pháp luật đại cương	25
1. Kế toán doanh nghiệp sản xuất.....	27
2. Thực hành kế toán doanh nghiệp	27
3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	27
1. Kế toán nhà hàng	27
11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	32
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo	34
13. Mô tả tóm tắt học phần	35
14.1. Nguyên tắc chung.....	53
14.2. Kế hoạch đào tạo.....	54
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo	55



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/08 /2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Kiểm toán được xây dựng và triển khai đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp từ năm 2023. Chương trình được xây dựng theo hệ thống tín chỉ với định hướng thực hành, thời gian đào tạo trong 4 năm. Chương trình cử nhân ngành kiểm toán nhằm đào tạo các cử nhân có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có tư duy sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, có kỹ năng ngoại ngữ, tin học, giao tiếp kinh doanh và có năng lực tự học tập, nghiên cứu, năng lực chuyên môn trở thành các chuyên gia về kiểm toán, kiểm soát nội bộ, ...đồng thời mở ra các cơ hội việc làm trong các lĩnh vực khác nhau có liên quan; CTĐT ngành Kiểm toán được quản lý bởi khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về “Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học”. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	KIỂM TOÁN
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	AUDITING
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Ngành đào tạo:	Kiểm toán
5. Mã ngành:	7340302
6. Thời gian đào tạo	4 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
9. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

10. Website	https://uneti.edu.vn ; https://khoaketoankiemtoan.uneti.edu.vn
11. Khoa Quản lý CTĐT	Khoa Kế toán Kiểm toán
12. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	14/8/2024

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn về kiểm toán tại các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp và các đơn vị tổ chức khác đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, định hướng phát triển nghề nghiệp cũng như tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học và giao tiếp hiệu quả trong các công việc chuyên môn về kiểm toán và các hoạt động nghề nghiệp khác.

PO4: Có năng lực thiết kế, tổ chức vận hành cũng như phân tích, đề xuất cải tiến các hoạt động chuyên môn về kiểm toán tại các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp và các đơn vị tổ chức khác đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành kiểm toán có khả năng:

PLO1. Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PI1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong lĩnh vực kinh tế tài chính

PI1.2. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, toán ứng dụng và định lượng trong lĩnh vực kinh tế tài chính phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2. Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PI 2.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý trong lĩnh vực kinh tế tài chính

PI 2.2. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành kiểm toán để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán

PLO3. Áp dụng các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, kiểm soát để tổ chức công tác kế toán, kiểm toán cũng như phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán và các hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PI3.1. Vận dụng các kiến thức về kế toán, kiểm toán và kiểm soát để tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, tổ chức các hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PI3.2. Vận dụng các kiến thức về chế độ, chuẩn mực kế toán, kiểm toán để phân tích các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán cũng như các hoạt động kiểm soát tại doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PLO4. Phân tích dữ liệu về hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát để đưa ra các ý kiến tư vấn về công tác kế toán cũng như hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PI4.1. Phân tích được dữ liệu về hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát của các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức cung cấp thông tin trong việc ra quyết định liên quan đến lĩnh vực kế toán kiểm toán

PI4.2. Đề xuất các ý kiến tư vấn nhằm hoàn thiện công tác kế toán, tài chính, hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PLO5. Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán

PI5.1. Sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn về kế toán kiểm toán

PI5.2. Khai thác, quản lý và sử dụng dữ liệu số về kế toán kiểm toán để phục vụ hoạt động chuyên môn

PLO6. Áp dụng các kiến thức kiểm toán chuyên sâu để thực hiện kiểm toán cho các doanh nghiệp đơn vị, tổ chức cũng như đề xuất các giải pháp tư vấn cho đơn vị được kiểm toán và các bên liên quan

PI6.1. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PI6.2. Thực hiện thành thạo các công việc trong quy trình kiểm toán

PI6.3. Đề xuất các giải pháp tư vấn về kế toán, kiểm toán, kiểm soát cho các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức

PLO7. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)

PI7.1. Đọc, hiểu và viết các tài liệu liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán bằng tiếng Anh

PI7.2. Nghe, nói tiếng Anh giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc

PLO8. Có khả năng làm việc nhóm, phát hiện vấn đề, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán

PI8.1. Hình thành nhóm để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán

PI8.2. Thực hiện hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán

PLO9. Có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo, thuyết trình chuyên môn trong công việc

PI9.1. Tham gia ý kiến, thảo luận trong các hoạt động chuyên môn

PI9.2. Viết được các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý

PI9.3. Xây dựng và thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả, ngôn ngữ rõ ràng, tác phong đĩnh đạc

PLO10. Có khả năng định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực kế toán kiểm toán

PI10.1. Xác định được nghề nghiệp trong tương lai

PI10.2. Xây dựng được các ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kế toán kiểm toán

PLO11. Tự chủ và có khả năng thích nghi cao trong công việc, đưa ra ý kiến phản biện, ý kiến về chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm với những vấn đề được đưa ra cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

PI11.1. Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập; thích nghi cao trong công việc, cập nhật được sự thay đổi của chuẩn mực kế toán kiểm toán và các quy định khác về tài chính

PI11.2. Đưa ra được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn

PI11.3. Thể hiện được trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình đào tạo cử nhân kiểm toán được xây dựng nhằm đến kết quả là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, công ty kiểm toán và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- Kiểm toán viên: Có đủ năng lực làm việc tại các công ty kiểm toán, có thể đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp; Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm kiểm toán, giám đốc kiểm toán.

- Kiểm toán viên nội bộ: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, các tổ chức khác có thể thực hiện kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ trong nội bộ đơn vị; thực hiện kiểm tra tài chính, đánh giá kiểm soát nội bộ, tư vấn độc lập trong nội bộ đơn vị, đề xuất các biện pháp cải tiến làm tăng giá trị hoạt động của đơn vị. Triển vọng nghề nghiệp là trưởng nhóm kiểm toán nội bộ hoặc trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ trong đơn vị.

- Kiểm toán viên Nhà nước: Có đủ năng lực làm việc tại đơn vị Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp; có thể thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ như kiểm tra việc chấp hành các quy định và văn bản pháp luật, các chính sách do Nhà nước ban hành đối với đối tượng của kiểm toán nhà nước. Triển vọng nghề nghiệp trở thành trưởng nhóm kiểm toán, Kiểm toán viên chính, Kiểm toán viên cao cấp.

- Chuyên viên Kế toán: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp, trong các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và các tổ chức khác. Có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán như: Kế toán phần hành, Kế toán tổng hợp và triển vọng trở thành Kế toán trưởng.

- Giảng viên: Có đủ năng lực để trở thành giảng viên giảng dạy chuyên ngành kế toán kiểm toán tại các học viện, trường cao đẳng, đại học.

- Thanh tra viên trong các cơ quan Nhà nước: Có đủ năng lực để trở thành thanh tra viên trong các cơ quan Nhà nước.

- Tự khởi nghiệp thành lập công ty cung cấp dịch vụ tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán hoặc có thể hành nghề độc lập như một chuyên gia về kế toán kiểm toán, phân tích tài chính hay tư vấn về thuế, về đầu tư... nếu đáp ứng được yêu cầu của quy chế quản lý nghề nghiệp hiện hành.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên tốt nghiệp ngành kiểm toán có nhiều khả năng học tập, nâng cao trình độ cụ thể như sau:

- Có nhiều cơ hội thuận lợi khi học chứng chỉ CPA, CIA, CIM, ACCA, ACA, CFA... để hành nghề kế toán, kiểm toán, làm về lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- Có cơ hội học chuyển tiếp lên trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT																								
	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8		PLO9			PLO10		PLO11		
	PI1 .1	PI1 .2	PI2 .1	PI2 .2	PI3 .1	PI3 .2	PI4 .1	PI4 .2	PI5 .1	PI5 .2	PI6 .1	PI6 .2	PI6 .3	PI7 .1	PI7 .2	PI8 .1	PI8 .2	PI9 .1	PI9 .2	PI9 .3	PI10 .1	PI10 .2	PI11 .1	PI11 .2	PI11 .3
Mục tiêu chung:	Chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn về kiểm toán tại các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp và các đơn vị tổ chức khác đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.																								
Mục tiêu cụ thể:																									

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT																								
	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8		PLO9			PLO10		PLO11		
	PI1 .1	PI1 .2	PI2 .1	PI2 .2	PI3 .1	PI3 .2	PI4 .1	PI4 .2	PI5 .1	PI5 .2	PI6 .1	PI6 .2	PI6 .3	PI7 .1	PI7 .2	PI8 .1	PI8 .2	PI9 .1	PI9 .2	PI9 .3	PI10 .1	PI10 .2	PI11 .1	PI11 .2	PI11 .3
PO1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X															
PO2																					X	X	X	X	X
PO3														X	X	X	X	X	X	X					
PO4					X	X	X	X			X	X	X												

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2 Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

Bảng 3 Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

CDR theo Khung TĐQG Chuẩn đầu ra	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		x													
PLO2		x													
PLO3	x			x											x
PLO4					x										
PLO5			x												
PLO6					x										
PLO7											x				
PLO8						x			x			x	x		
PLO9										x					
PLO10							x								
PLO11								X						x	

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

+ Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Phương thức tuyển sinh:

- ✓ Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức;
- ✓ Phương thức 2: Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức;
- ✓ Phương thức 3: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- ✓ Phương thức 4: Xét tuyển kết quả học bạ THPT;
- ✓ Phương thức 5: Các phương thức khác như xét tuyển thẳng

7.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau:

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch. - Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng đề SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học) - Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thể bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	- GV đưa ra thảo luận - SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các SV ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề	
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11
		Tự học (Selfstudying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học - Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm - Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng - Làm bài tập về nhà	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)	- GV hướng dẫn về nội dung các bài thực hành	PLO3 PLO4 PLO5

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát kết quả và phân tích kết quả	PLO6 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11
		Dạy học qua tình huống (Case study)	- Đưa ra tình huống thực tế tại các doanh nghiệp/cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO3 PLO4 PLO6 PLO11
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO8 PLO9 PLO10
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm - SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập)	PLO6 PLO9 PLO11

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

Chiến lược và phương pháp dạy học			Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
	Chiến lược	Phương pháp dạy học	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự	Thảo luận (Seminar)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
		Tự học (Selfstudying)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x

	ngiên cứu												
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)			x	x	x	x		X	x	x	x
		Dạy học qua tình huống (Case study)			x	x		x					x
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)								X	x	x	
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)						x			x		x

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học.

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần...). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
A	Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo Rubric1, Rubic 2a, 2b, và Rubic 3
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric số 1
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh giá bài tập được thực hiện theo Rubric 2a, 2b
3	Đánh giá thảo luận ((Seminar))	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để thảo luận một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá thảo luận được thực hiện theo Rubric 3
B	Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
7	Bài thực hành, Tiểu luận (Written Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong bài thực hành, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong bài thực hành, tiểu luận. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 4a, 4b.
8	Đánh giá báo cáo thực hành, thực tập (Internship Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6a, 6b.
8	Đánh giá báo cáo thực hành, thực tập (Internship Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6a, 6b.

9.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:
(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:
(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2a. Đánh giá bài tập thực hành trên máy tính

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Mức độ thực hiện yêu cầu	20	Trình bày $\geq$ 85% nội dung yêu cầu	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 65-84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung yêu cầu từ 40-64% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung quá sơ sài, không cung cấp các thông tin cần thiết
Thực hiện các bước xử lý dữ liệu	40	Thực hiện đúng, chính xác các bước xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel	Thực hiện đúng các bước xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện chưa đúng các bước xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel, số liệu xử lý chưa chính xác	Không biết xử lý số liệu kế toán trên phần mềm Excel
	30	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp
Hình thức trình bày	10	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán

Rubric 2b: Đánh giá bài tập về dự báo báo cáo tài chính

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thu thập dữ liệu dự báo	10	Thu thập đầy đủ dữ liệu dự báo trong 4 năm gần nhất so với hiện tại có bổ sung thêm được các dữ liệu về điều kiện kinh tế xã hội, xu hướng chung của ngành nghề kinh doanh của DN.	Thu thập đầy đủ dữ liệu dự báo trong 4 năm gần nhất so với hiện tại	Thu thập đầy đủ dữ liệu dự báo trong 3 năm gần nhất so với hiện tại	Không thu thập được dữ liệu phục vụ dự báo (0 đ)
Phương pháp dự báo	20	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng còn một vài sai sót nhỏ.	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tùy mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)
Kết quả	20	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày	10	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 3: Đánh giá Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 4a: Đánh giá bài thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Trả lời vấn đáp các yêu cầu của bài thực hành	30	Giải thích đúng các yêu cầu	Giải thích đúng các yêu cầu	Giải thích đúng nhưng vẫn còn sai sót nhỏ	Giải thích không rõ ràng
Kết quả thực hành	65	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Báo cáo thực hành	5	Đúng form mẫu	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Rubric 4b: Đánh giá báo cáo tiểu luận

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Đúng theo quy định, sắp xếp hợp lý	Đúng theo quy định, sắp xếp khá hợp lý	Tương đối theo quy định, sắp xếp tương đối hợp lý	Không theo quy định, sắp xếp thiếu hợp lý
Nội dung	Vấn đáp các yêu cầu của bài tiểu luận	30	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và giải thích được phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa giải thích được phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi
	Kết quả các nội trong báo cáo	55	Kết quả thực hiện đầy đủ, rõ ràng, xử lý được các tình huống đặt ra và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hiện đầy đủ, rõ ràng và xử lý khá tốt tình huống đặt ra, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hiện đầy đủ và đáp ứng tương đối tình huống đặt ra, có một số sai sót quan trọng	Kết quả thực hiện không đầy đủ/Không đáp ứng được tình huống đặt ra
	Lập luận	05	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót	Tương đối chặt chẽ, logic; có	Không chặt chẽ, logic

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
				nhỏ không gây ảnh hưởng	phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	
Hình thức trình bày		05	Nhất quán về format và không có lỗi chính tả trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format và chính tả	Vài chỗ format không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Rất nhiều chỗ không nhất quán và sai chính tả

Rubric 5: Đánh giá báo cáo thực tập cuối khóa

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung báo cáo		90	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chặt chẽ, logic	Trình bày khá rõ ràng, khá đầy đủ, khá trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận khá chặt chẽ, khá logic	Trình bày tương đối rõ ràng, tương đối đầy đủ, tương đối trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận tương đối chặt chẽ, tương đối logic	Trình bày chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chưa chặt chẽ, chưa logic
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cầu thả

**Rubric 6a: Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
(Giảng viên hướng dẫn)**

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp được viết khoa học, rõ ràng	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp nhưng chưa được viết khoa học, rõ ràng.	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu chưa phù hợp.
	Nền tảng lý thuyết	20	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu.	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp. Không kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu
	Nghiên cứu thực trạng	30	Trình bày rõ ràng, đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày rõ ràng, khá đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày tương đối đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được tương đối các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày không rõ ràng, chưa đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Không Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.
	Lập luận Đưa ra giải pháp	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic.	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Thái độ và trách nhiệm	Thái độ và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp	5	Tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập cao. Có nhận xét tốt của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài đầy đủ theo tiến độ.	Tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập khá cao. Có nhận xét tốt của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài khá đầy đủ theo tiến độ.	Có tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập. Có nhận xét của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài chưa theo tiến độ.	Có tinh thần tuân thủ nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập. Có nhận xét của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài không đầy đủ

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cầu thả

**Rubric 6b: Đánh giá Báo cáo Khóa luận tốt nghiệp
(Giảng viên phản biện)**

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp được viết khoa học, rõ ràng	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp nhưng chưa được viết khoa học, rõ ràng.	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu chưa phù hợp.
	Nền tảng lý thuyết	20	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Nghiên cứu thực trạng	30	Trình bày rõ ràng, đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày rõ ràng, khá đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày tương đối đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày không rõ ràng, chưa đầy đủ về thực trạng nghiên cứu
	Lập luận Đưa ra giải pháp	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		5	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cầu thả

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
A	Đánh giá quá trình											
1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
2	Đánh giá bài tập			x	x	x						
3	Đánh giá thảo luận			x			x	x		x		x
B	Đánh giá tổng kết											
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)				x							
6	Bài thực hành, Tiểu luận (Written Report)			x	x		x		X	x		x
7	Đánh giá báo cáo thực hành, thực tập (Internship Report)						x			x		x
8	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)						x			x		x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

* Khối kiến thức giáo dục đại cương:	38 tín chỉ
* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	98 tín chỉ
+ Phần lý thuyết:	68 tín chỉ
+ Phần thực hành, thực tập, đồ án:	21 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp:	09 tín chỉ

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24, 120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24, 120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24, 120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24, 120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002164	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Kế toán	KTKT	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		20		
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>		11		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)</i>		9		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001109	2. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
000666	3. Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
001104	4. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001743	5. Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001601	6. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		53		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		41		
001431	1. Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000447	2. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39,12,90)	x
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001162	4. Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000448	5. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000479	6. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000445	7. Kế toán quản trị 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000455	8. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39,12,90)	x
000466	9. Thực hành Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001251	10. Kế toán quản trị 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001301	11. Thuế và kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001745	12. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000458	13. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001744	14. Thực hành Phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		12		
001734	1. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001250	2.. Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001340	3. Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001100	4. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002053	5. Hợp nhất báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002464	6. Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)		25		
	2.3.1. Modul 1: Kế toán doanh nghiệp		25		
000449	1. Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001739	2. Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001740	3. Kế toán Doanh nghiệp Xây lắp và đơn vị chủ đầu tư	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001959	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành Kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001737	1. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001736	2. Thực hành kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001742	3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.2. Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn		25		
001733	1. Kế toán nhà hàng	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001732	2. Kế toán khách sạn	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001730	3. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001960	4. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành Kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001731	1. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001737	2. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001742	3. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.3. Modun 3: Kế toán công		25		
000441	1. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001727	2. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001729	3. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001962	4. Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành Kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001726	1. Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001725	2. Kế toán ngân sách và tài chính xã	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002649	3. Chuẩn mực kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.4. Modun 4: Kế toán kiểm toán (áp dụng đến khóa 16)		25		
000454	1. Kiểm toán báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001724	2. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001723	3. Thực hành Kiểm toán BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
001961	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành Kế toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001722	1. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001721	2. Kiểm toán nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001829	3. Kiểm soát nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	x

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Số TT	Học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
I	Học kỳ 1		16
1	Triết học Mác-Lênin	LT	3
2	Pháp luật đại cương	LT	2
3	Giáo dục thể chất 1	LT	1
4	Kinh tế vi mô	LT	2
5	Nguyên lý thống kê	LT	2
6	Quản trị doanh nghiệp	LT	3
7	Xác suất thống kê	LT	3
II	Học kỳ 2		18
1	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	LT	2
2	Tiếng Anh 1	LT	4
3	Giáo dục thể chất 2	LT	1
4	Kinh tế vĩ mô	LT	2
5	Pháp luật kinh tế	LT	2
6	Nguyên lý kế toán	LT	3
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LT	2
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LT	2
III	Học kỳ 3		17
1	Tài chính doanh nghiệp	LT	3
2	Tiếng Anh 2	LT	4
3	Kỹ năng nhận thức bản thân	LT	1
4	Luật và hệ thống chuẩn mực kế toán kiểm toán	LT	3
5	Kế toán tài chính 1	LT	3
6	Toán ứng dụng cho Kinh tế	LT	3
IV	Học kỳ 4		22
1	Tiếng Anh 3	LT	4
2	Kỹ năng nghề nghiệp (Kỹ năng khởi nghiệp)	LT	1
3	Giáo dục quốc phòng - HP1	LT	3

Số TT	Học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
4	Giáo dục quốc phòng - HP2	LT	2
5	Giáo dục quốc phòng - HP3	TH	1
6	Giáo dục quốc phòng - HP4	TH	2
7	Thực hành Kế toán tài chính 1	TH	3
8	Kế toán tài chính 2	LT	3
9	Kiểm toán căn bản	LT	3
V	Học kỳ 5		19
1	Tiếng Anh 4	LT	4
2	Giáo dục thể chất 3	LT	1
3	Tin học ứng dụng kế toán	LT	3
4	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	LT	3
5	Thực hành Kế toán tài chính 2	TH	3
6	Kế toán tài chính 3	LT	3
7	Tiểu luận 1- Ngành Kiểm toán	TH	2
VI	Học kỳ 6		19
1	Kiểm soát nội bộ	LT	3
2	Giáo dục thể chất 4	LT	1
3	Kế toán quản trị	LT	3
4	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	TH	3
5	Thuế và Kế toán thuế	LT	3
6	Phân tích báo cáo tài chính	LT	3
7	Kiểm toán hoạt động	LT	3
VII	Học kỳ 7		18
1	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	LT	1
2	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	LT	3
3	Kế toán máy	LT	3
4	Thực hành phân tích BCTC	TH	3
5	Kiểm toán nội bộ	LT	3
6	Tiểu luận 2- Ngành Kiểm toán	TH	2

Số TT	Học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
7	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán kiểm toán	LT	3
VIII	Học kỳ 8		19
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LT	2
2	Hành nghề kế toán kiểm toán	LT	3
3	Thực tập cuối khóa	TH	5
	<i>Học phần thay thế khóa luận TN</i>	TH	9
4	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	LT	3
5	Kiểm soát quản lý	LT	3
6	Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	LT	3

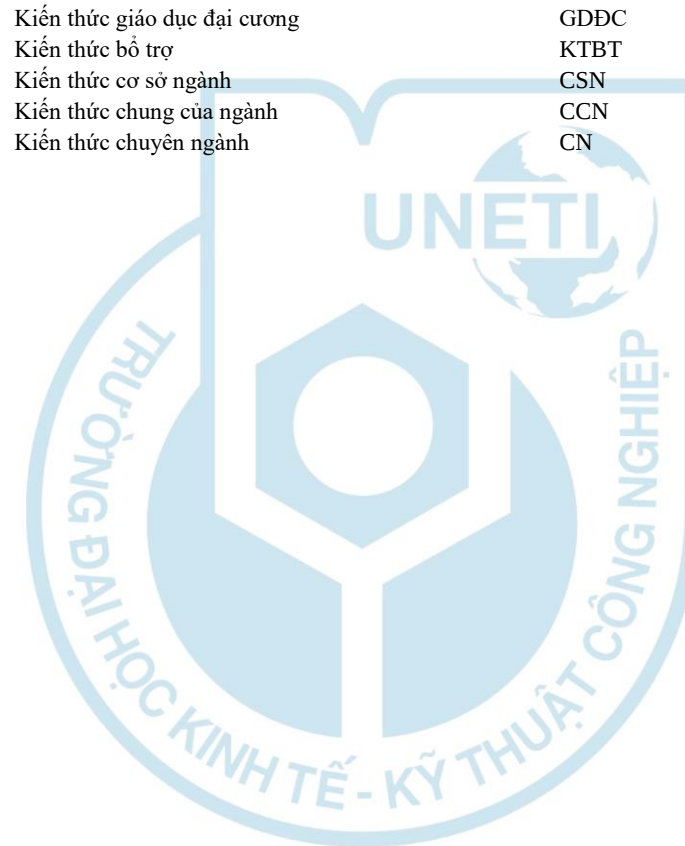


11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

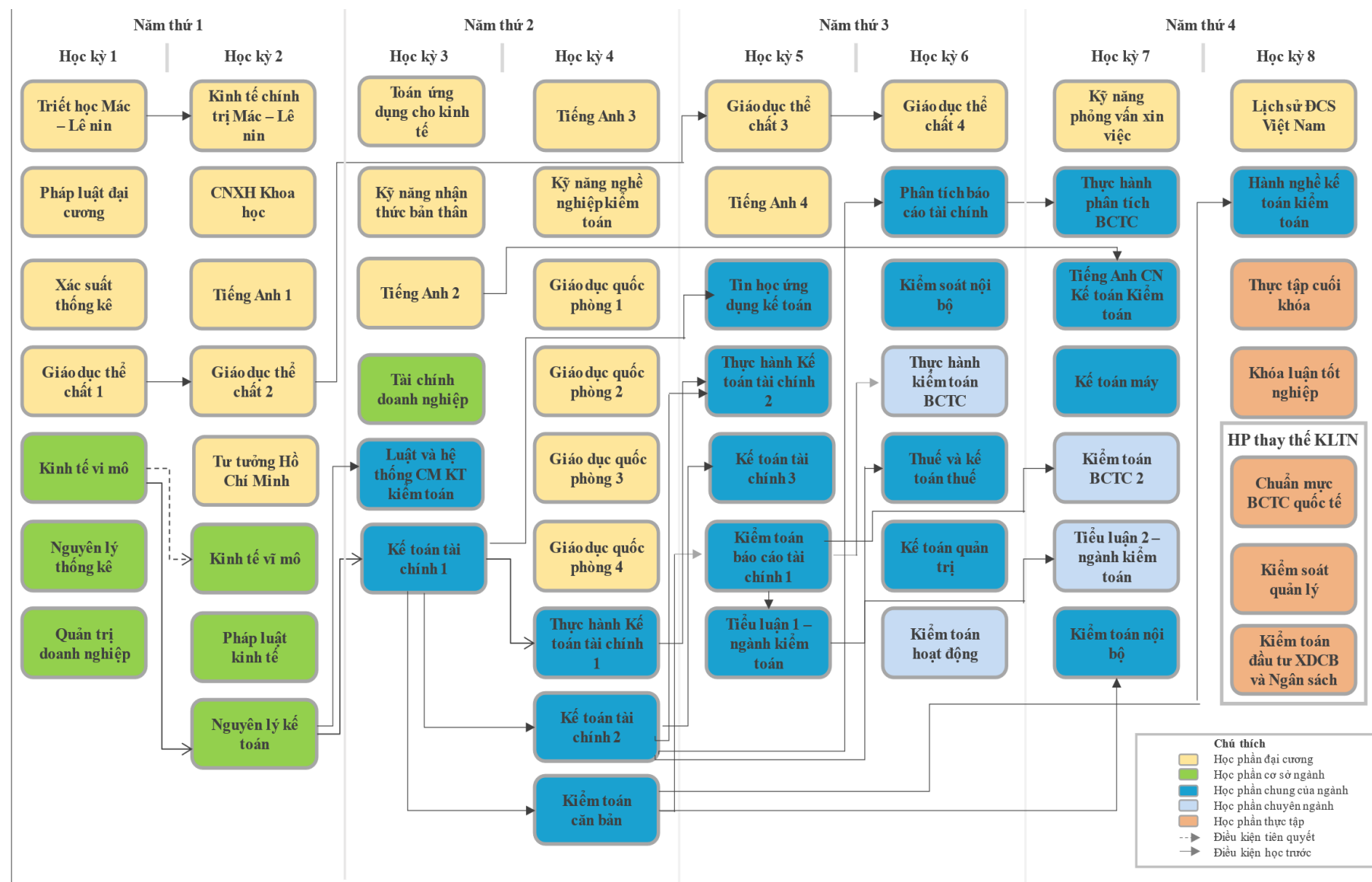
[illegible]

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong 3 mức:

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra và ở mức giới thiệu/ bắt đầu;
- R (Reinforced) Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế...
- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO (CĐR học phần) hoặc học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng - PI của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.
- A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI
- Ký hiệu Khối kiến thức



12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



13. Mô tả tóm tắt học phần

Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC)

1. Triết học Mác-Lênin - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 03 (33, 24, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của ngành kiểm toán. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Triết học Mác- Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam...

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học ngành kiểm toán. Học phần nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của ngành kiểm toán. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của ngành kiểm toán. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

6. Pháp luật đại cương - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Toán ứng dụng cho kinh tế - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán ứng dụng cho kinh tế là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành kinh tế, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế; kiến thức đại số tuyến tính như ứng dụng ma trận, hệ phương trình tuyến tính trong các bài toán kinh tế. Kiến thức về ứng dụng bài toán quy hoạch tuyến tính; sơ đồ mạng lưới Pert trong lập các mô hình kinh tế.

8. Xác suất thống kê - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế tại trường đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, phân tích tương quan và hồi quy.

9. Tiếng Anh 1 - Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (48, 24, 120)

- *Học phần tiên quyết:* Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc

10. Tiếng Anh 2 - Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học, tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2. Sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và phát âm thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường nghề nghiệp.

11. Tiếng Anh 3 - Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2-B1. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.

12. Tiếng Anh 4 - Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 500

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng Anh 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2-B1. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.

13. Kỹ năng nhận thức bản thân - Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kiểm toán. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy,

cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống.

Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

14. Kỹ năng nghề nghiệp kiểm toán (Kỹ năng khởi nghiệp)- Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng nghề nghiệp kiểm toán là học phần được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kiểm toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp để có thể vận dụng vào thực tế, tạo nền tảng vững chắc về ý thức khởi sự kinh doanh từ đó khơi gợi, thúc đẩy cho sinh viên tinh thần khởi nghiệp; đồng thời thông qua môn học giúp sinh viên rèn luyện lại kỹ năng đã được học tập ở kỳ trước như kỹ năng làm việc nhóm, đồng thời bổ sung các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng phân tích, lựa chọn, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tin học văn phòng, ... từ đó giúp sinh viên xây dựng hành trang trong tương lai, làm chủ công việc, hình thành năng lực tự chủ cho sinh viên và hình thành kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.

15. Kỹ năng phỏng vấn và xin việc - Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (12, 6, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

16. Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) - Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức : Lịch sử hình thành và

phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

17. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2) - Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

18. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1) - Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2)

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

19. Giáo dục thể chất 4 (Cầu lông 2) - Số TC: 01

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1)

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phong cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)

20. Kinh tế vi mô - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

21. Kinh tế vĩ mô - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế vi mô

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

22. Pháp luật kinh tế - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho người học những kiến thức, lý luận cơ bản về pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế.

23. Nguyên lý thống kê - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Học phần trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê trong quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội.

24. Nguyên lý kế toán - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nguyên lý kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

25. Quản trị doanh nghiệp - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị doanh nghiệp là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản khái quát về doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ và quản trị cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoạch định chương trình của quản trị doanh nghiệp. Đồng thời đi sâu vào một số nghiệp vụ quản trị cụ thể như: Quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, chi phí, kết quả, chính sách tài chính, quản trị vật tư và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp.

26. Tài chính doanh nghiệp - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tài chính doanh nghiệp là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề về tài chính của DN như công tác lập kế hoạch huy động các loại vốn; chi phí sử dụng vốn, các quyết định đầu tư; phân tích tài chính DN cũng như kế hoạch hóa tài chính, dự báo tình hình tài chính trong DN.

27. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán kiểm toán - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán kiểm toán là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về kế toán, kiểm toán. Các hoạt động trên lớp thông qua các chủ đề giúp sinh viên củng cố và phát triển kỹ năng kỹ năng nói, nghe, đọc, viết về các số liệu tài chính; đồng thời đọc hiểu, nghe hiểu, dịch và thuyết trình các tài liệu chuyên ngành liên quan đến các nguyên tắc kế toán (accounting principles), các báo cáo tài chính (financial statements), thuế (taxation), các tỷ suất tài chính (financial ratios) và kiểm toán (auditing). Ngoài

ra, sinh viên được củng cố kiến thức ngữ pháp cần thiết phục vụ cho mục đích giao tiếp nhất định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

28. Quản trị rủi ro - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị rủi ro là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của DN, các nội dung và phương pháp chủ yếu về nhận dạng, phân tích, đo lường và các vấn đề thiết yếu về kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro dự án; quản trị rủi ro tài trợ và quản lý một số loại hình rủi ro khác.

29. Tài chính tiền tệ - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính. Đồng thời vận dụng các kiến thức lý thuyết về tài chính, tiền tệ, ngân hàng; bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, ngân sách Nhà nước, tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, cách tính giá trị thời gian của tiền. để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn

30. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DN là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch kinh doanh hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động, kế hoạch tài chính); đánh giá kế hoạch kinh doanh của DN trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định của DN.

31. Dự báo thị trường - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:*

- *Học phần học trước:* Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh, Marketing

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần dự báo thị trường trang bị cho sinh viên các kiến thức về dự báo thị trường như bản chất của dự báo; những nguyên tắc trong dự báo; quy trình thực hiện dự báo; thông tin, dữ liệu dự báo; các phương pháp dự báo; các khuyết tật và cách khắc phục trong mô hình dự báo; dự báo cầu thị trường về hàng hóa, dịch vụ; dự báo giá cả; dự báo tiêu dùng của dân cư nhằm phục vụ quản lý chiến lược, kế hoạch hóa và hoạch định các chính sách.

32. Marketing căn bản – Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Kinh tế vi mô

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

33. Luật và hệ thống chuẩn mực kế toán kiểm toán - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Luật và hệ thống chuẩn mực kế toán- kiểm toán là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về luật và hệ thống chuẩn mực kế toán- kiểm toán Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển cũng như nội dung cơ bản phản ánh trên hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành kế toán- kiểm toán; các kiến thức chuyên sâu được quy định chi tiết trong các văn bản luật và chuẩn mực kế toán- kiểm toán. Đây là học phần quan trọng, gắn bó mật thiết đối với các môn học kế toán- kiểm toán, giúp người học có phương pháp tiếp cận và kiến thức cơ bản và chuyên sâu về luật và hệ thống chuẩn mực kế toán- kiểm toán, từ đó áp dụng vào các môn học liên quan.

34. Kế toán tài chính 1 - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:*

- *Học phần học trước:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán tài chính 1 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán về kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

35. Thực hành kế toán tài chính 1- Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành kế toán tài chính 1 là học phần thuộc thực tập khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Kế toán tài chính 1 và các học phần kiến thức cơ sở. Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên nhằm hiểu rõ nhiệm vụ kế toán các phần hành: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích the lương; kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp và phản ánh các chỉ tiêu kinh tế liên quan vào Báo cáo tài chính.

36. Kế toán tài chính 2 - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán tài chính 2 là học phần kiến thức chung ngành Kiểm toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm; kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán vốn chủ sở hữu và các quỹ của doanh nghiệp; kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

37. Tin học ứng dụng kế toán - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tin học ứng dụng kế toán là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị những kiến thức về hệ thống thông tin kế toán các doanh nghiệp dựa trên cơ sở của công nghệ thông tin và chương trình phần mềm MICROSOFT EXCEL để xử lý số liệu kế toán. Từ đó, giúp người học có những kiến thức kỹ thuật tính toán chuyên sâu ứng dụng phần mềm MICROSOFT EXCEL trong doanh nghiệp

38. Kiểm toán căn bản - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán căn bản là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức

cơ bản nhất về bản chất, chức năng, đối tượng và các loại hình kiểm toán; các khái niệm cơ bản trong kiểm toán; phương pháp, kỹ thuật và quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

39. Thực hành kế toán tài chính 2- Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2, Thực hành kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành kế toán tài chính 2 là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Kế toán tài chính 2 và Thực hành kế toán tài chính 1. Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên nhằm hiểu rõ nhiệm vụ kế toán các phần hành kế toán các phần hành kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm; kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các quỹ của doanh nghiệp; kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ; ghi sổ kế toán chi tiết, ghi sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

40. Phân tích báo cáo tài chính - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần phân tích báo cáo tài chính là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về phân tích báo cáo tài chính, đánh giá khái quát tình hình tài chính và phân tích các chỉ số tài chính, phân tích rủi ro tài chính và dự báo báo cáo tài chính

41. Thuế và kế toán thuế - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thuế và kế toán thuế là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị những nội dung cơ bản về các sắc thuế và kế toán các loại thuế: Thuế GTGT; Thuế TTĐB; Thuế xuất - nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Các loại thuế và phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

42. Thực hành phân tích báo cáo tài chính - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Phân tích báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành phân tích báo cáo tài chính là học phần thực hành thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần này

được bố trí thực hiện sau học phần Phân tích báo cáo tài chính và các học phần kiến thức cơ sở khác. Học phần hướng dẫn sinh viên tiến hành phân tích khái quát tình hình tài chính trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính của doanh nghiệp đồng thời cũng hướng dẫn sinh viên sẽ tính toán và phân tích các chỉ số tài chính cơ bản của doanh nghiệp cũng như sẽ tiến hành dự báo chỉ tiêu tài chính cho doanh nghiệp.

43. Kiểm toán báo cáo tài chính 1 - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán báo cáo tài chính 1 là học phần thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính về khái niệm, mục tiêu, đối tượng Kiểm toán báo cáo tài chính và các phương pháp sử dụng trong Kiểm toán báo cáo tài chính, trình tự tiến hành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó tiếp tục trang bị cho người học kiến thức về lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán các phần hành cơ bản trên báo cáo tài chính và tổng hợp đưa ra kết luận, lập và phát hành báo cáo kiểm toán.

44. Tiểu luận 1 – Ngành kiểm toán - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0,120,0)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận 1 Ngành Kiểm toán là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chung của ngành kiểm toán. Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động, đến kiến tập để viết báo cáo về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình lập kế hoạch kiểm toán trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại các khách hàng của công ty kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm về tổ chức bộ phận kiểm toán, tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức hồ sơ kiểm toán, tổ chức kiểm soát chất lượng kiểm toán, tổ chức lập kế hoạch kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp kiểm toán.

45. Kiểm toán nội bộ- Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán nội bộ là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung của loại hình kiểm toán nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán nội bộ; bản chất, cơ cấu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ tại DN; quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp từ khi chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán

và theo dõi đánh giá công việc sau kiểm toán; làm rõ một số chuyên đề kiểm toán nội bộ; báo cáo kiểm toán nội bộ.

46. Kiểm soát nội bộ - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm soát nội bộ là học phần thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, học phần cũng trang bị các kiến thức về việc thực hiện quá trình kiểm soát nội bộ trong các chu trình cụ thể như: chu trình mua hàng và thanh toán, chu trình bán hàng và thu tiền, chu trình nhân sự và tiền lương, chu trình tài sản cố định, kiểm soát nội bộ tiền. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ đã được trang bị sinh viên có thể thực hiện thiết lập các thủ tục, trình tự kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động cũng như tài sản mà đơn vị quản lý.

47. Hành nghề kế toán kiểm toán - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần hành nghề kế toán, kiểm toán là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu trình tự và phương pháp tổ chức công việc; trách nhiệm, quyền hạn của kế toán, kiểm toán với tư cách là một nghề trong hoạt động kinh doanh cũng như các quy định của nhà nước về quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán viên hành nghề.

48. Kế toán tài chính 3 - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán tài chính 3 là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán ngoại tệ; kế toán thanh toán nội bộ, kế toán phát hành trái phiếu; kế toán các hoạt động đầu tư; kế toán phát hành cổ phiếu, kế toán dự phòng tổn thất tài sản và Báo cáo tài chính hợp nhất trong doanh nghiệp.

49. Kế toán quản trị- Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kế toán quản trị được giảng dạy cho chương trình đào tạo ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho việc lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí, phân loại chi phí, phân loại giá thành, quản trị giá thành cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. Cung cấp thông tin chi phí để tính điểm hòa vốn, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận, quá trình thu thập, xử lý thông tin để đưa ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn, sử dụng thông tin để ra các quyết định về cơ cấu chi phí, giá bán, tổ chức quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.

50. Kế toán máy - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Tin học ứng dụng kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán máy là học phần thuộc phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên về các khái niệm cơ bản, hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của một số phần mềm kế toán; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh nhất và có thể sử dụng ngay được với phần mềm kế toán để xử lý các thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

51. Hệ thống thông tin kế toán - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Hệ thống thông tin kế toán là học phần thuộc phần kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Nguyên lý kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng với các nội dung cụ thể trong 7 chương bao gồm: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí; Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình chuyển đổi và chu trình tài chính; Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán; Phân tích hệ thống thông tin kế toán; Thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống thông tin kế toán.

52. Kế toán hành chính sự nghiệp - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán hành chính sự nghiệp là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành Kiểm toán, được đưa vào giảng ở những năm cuối của khóa học

đại học sau khi học xong các học phần kế toán tài chính 1,2,3. Học phần trang bị cho người học có sự hiểu biết những kiến thức cơ bản chuyên ngành về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Cung cấp cho người học nhận thức và hiểu biết về nội dung tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và các khoản thu, chi và lập các báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

53. Kế toán DN thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần kiến thức chung của ngành Kiểm toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ và các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

54. Kế toán doanh nghiệp sản xuất - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán doanh nghiệp sản xuất là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

55. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán hành chính sự nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán Ngân sách và nghiệp vụ kho bạc là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về các phần hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán dự toán chi ngân sách nhà nước, kế toán thu – chi ngân sách nhà nước, kế toán vay nợ và trả nợ vay, các báo cáo tài chính ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước.

56. Kiểm toán báo cáo tài chính 2 - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán báo cáo tài chính 2 là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về: Kiểm toán chu trình huy động và hoàn trả vốn; Kiểm toán chu trình xác định và phân phối kết quả; Kiểm toán thuế; Kiểm toán chi phí phải trả, chi phí trả trước; Kiểm toán các khoản phải thu – phải trả nội bộ, phải thu – phải trả khác; Các vấn đề chuyên sâu khác trong kiểm toán báo cáo tài chính.

57. Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính là học phần thực tập chuyên ngành bắt buộc chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần được đưa vào giảng dạy sau khi học xong học phần Kiểm toán báo cáo tài chính. Nội dung chính của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết của một trợ lý kiểm toán trong giai đoạn khởi đầu của nghề nghiệp kiểm toán, thông qua việc lập kế hoạch kiểm toán, tiến hành các thủ tục kiểm toán các phần hành cơ bản theo hồ sơ kiểm toán mẫu, tổng hợp và đưa ra kết luận kiểm toán.

58. Kiểm toán hoạt động - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán hoạt động là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình kiểm toán hoạt động và ứng dụng vào kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức và kiểm toán hoạt động ngân sách nhà nước. Học phần đề cập đến nội dung kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức nhằm đánh giá 3 mục tiêu chính: Tính hiệu lực, tính kinh tế, tính hiệu quả của các hoạt động, trên cơ sở đó giúp các đơn vị quản lý và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của đơn vị và đạt được các mục tiêu mà đơn vị đã đề ra.

59. Tiểu luận 2- Ngành kiểm toán - Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(0, 120, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Tiểu luận 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận 2 ngành Kiểm toán là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành kiểm toán. Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động, đến kiến tập để viết báo cáo về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức thực hiện kiểm toán một phần hành/chu trình và tổng hợp, lập báo cáo kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại các khách hàng của công ty kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm về tổ chức bộ phận kiểm toán, tổ

chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức hồ sơ kiểm toán, tổ chức kiểm soát chất lượng kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán một phần hành/chu trình trong kiểm toán báo cáo tài chính tại DN kiểm toán.

60. Thực tập cuối khóa - Số TC: 05

- *Phân bố thời gian học tập:* 5 (0, 300, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành kiểm toán là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động, đến thực tập để viết báo cáo về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính, quy trình lập kế hoạch kiểm toán, sau đó thực hiện kiểm toán 01 phần hành hoặc 01 chu trình kiểm toán và tiến hành tổng hợp, lập báo cáo kiểm toán trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại các khách hàng của công ty kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bài bản và có hệ thống về: tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện công việc kiểm toán, tổng hợp và lập báo cáo kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp kiểm toán.

61. Khóa luận tốt nghiệp - Số TC: 09

- *Phân bố thời gian học tập:* 9 (0, 540, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Các học phần lý thuyết, thực hành cơ sở và chuyên môn của modul/ ngành học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành kiểm toán. Trên cơ sở kiến thức về kế toán kiểm toán đã được đào tạo tại trường, sinh viên sẽ hệ thống hóa lý thuyết cũng như vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các vấn đề về kế toán kiểm toán tại các đơn vị, doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Sản phẩm hoàn thành cuối cùng của sinh viên là báo cáo khóa luận tốt nghiệp của các đề tài nghiên cứu được trình bày theo đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức quy định của Nhà trường.

62. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; khuôn khổ của việc lập, trình bày báo cáo tài chính; tìm hiểu các chuẩn mực kế toán quốc tế có liên quan đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính và các chuẩn mực báo cáo tài chính cụ thể. Trên cơ sở đó thấy được định hướng và cơ sở áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam.

63. Kiểm soát quản lý - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm soát quản lý là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về kiểm soát quản lý, quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, phân tích báo cáo hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần, đến thực hiện chính sách đãi ngộ trong doanh nghiệp) và kiểm soát quản lý trong một số đơn vị đặc thù như đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và tổ chức phi lợi nhuận.

64. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách - Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kiểm toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về dự án đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản, quy trình lập báo cáo kiểm toán quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản. Kiểm toán báo cáo quyết toán thu chi ngân sách.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- *Hướng đào tạo:* Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- + Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- + Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- + Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

○ Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- thi học kỳ, dự trữ:

○ Học kỳ II bao gồm các nội dung:

- Nghỉ tết: 2 tuần.
- Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

○ Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trường khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 Năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Trần Hoàng Long